TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2024
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong

Các hội thẩm nhân dân:Ông Nguyễn Thái Duy

Ông Phạm Ngọc Diện

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Văn Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Trần Duy Hoàng Thao - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 224/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2024 về việc: "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị T, sinh năm: 1986; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Hà Minh T1, sinh năm: 1970; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị T:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T1 xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng ngày 16/9/2009.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau không hòa thuận, không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống, ông T1 nghiện hút cần sa, thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến vợ con và phát triển kinh tế gia đình. Đến năm 2013, ông T1 tự ý bỏ nhà đi biệt tích, cắt đứt mọi liên lạc với gia đình. Theo

Quyết định số 05/2024/QĐST-VDS ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã tuyên bố ông Hà Minh T1, sinh ngày 10/3/1970, nơi cư trú cuối cùng: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng mất tích.

Do mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, bà xác định không còn tình cảm với ông T1. Do đó, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hà Minh T1.

Về con chung: Bà xác định vợ chồng có 01 con chung là Hà Trung H, sinh ngày 24/02/2010. Khi ly hôn, đề nghị Tòa án giao cháu H cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hà Minh T1: Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật, nhưng vẫn không có tin tức gì về ông T1. Do vậy, Tòa án không thể làm việc được với ông T1 và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị T về việc ly hôn với ông Hà Minh T1. Giao con chung là Hà Minh H1, sinh ngày 24/02/2010 cho bà Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Hà Minh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Hà Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự trên theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Hà Minh T1 xây dựng gia đình với nhau năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng ngày 16/9/2009. Việc đăng ký kết hôn không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông T1 là hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà T khởi kiện ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng bà T, ông T1 phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ông T1 không chịu khó làm ăn để phát triển kinh tế gia đình. Từ năm 2013 đến nay, ông T1 đã bỏ nhà đi khỏi địa phương. Bà T đã liên hệ tìm kiếm nhưng không được; bà cũng đã đăng tin tìm kiếm ông T1 trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn không có tin tức gì từ ông T1, nên bà yêu cầu Tòa án tuyên bố ông T1 mất tích. Ngày 08/5/2024, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 05/2024/QĐST-VDS về việc tuyên bố ông Hà Minh T1 mất tích.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xác định không còn tình cảm với ông T1 nên giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông T1. Sau khi ông T1 bỏ nhà đi từ năm 2013 đến nay thì bà T vẫn một mình chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Thời gian ông T1 bỏ đi đã lâu, đã được Tòa án tuyên bố mất tích nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì. Vì vậy, căn cứ Điều 53 và khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T, giải quyết cho bà T và ông T1 được ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Hà Minh T1 có 01 con chung là Hà Trung H, sinh ngày 24/02/2010. Bà T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay cháu H đang ở ổn định với bà T và sau khi ông T1 bỏ đi khỏi địa phương thì bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu H có đơn trình bày nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, nhằm bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục và nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu, nên cần giao cháu H cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Việc cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định, quá trình chung sống bà và ông T1 không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể tiến hành đối chất để làm rõ. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết trong vụ án này; trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục chung.

[3] Về án phí: Buộc bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của bà Trần Thị T, xử cho bà Trần Thị T và ông Hà Minh T1 được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Hà Trung H, sinh ngày 24/02/2010 cho bà Trần Thị T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Hà Minh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004832 ngày 02/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Bà Trần Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND H. Lâm Hà;
- Chi cục THADS H. Lâm Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Hà;
- Lưu AV – HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phước Minh Phong